

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 - VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2025/DS-ST.

Ngày: 21-8-2025.

V/v: “Tranh chấp hợp đồng dân sự về việc góp hui,

Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Nguyễn Thanh Hùng.

+ Ông Đoàn Văn Vui.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Thịnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Ngày 21 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long, Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 145/2025/TLST-DS ngày 23 tháng 6 năm 2025 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự về việc góp hui, tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2025/QĐXXST-DS ngày 23/7/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2025/QĐST-DS ngày 04/8/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Đ - Sinh năm: 1954, địa chỉ: Ấp G, xã N, tỉnh Vĩnh Long (trước đây là: Ấp G, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Hồ Văn V - Sinh năm: 1961, địa chỉ: 7 ấp P, xã P, tỉnh Vĩnh Long (trước đây là: Số G ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre, ông V có mặt).

- Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Kim S - Sinh năm: 1979; địa chỉ: Ấp G, xã N, tỉnh Vĩnh Long (trước đây là: Ấp G, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre, có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trịnh Trung T - Sinh năm: 1977; địa chỉ: Ấp G, xã N, tỉnh Vĩnh Long (trước đây là: Ấp G, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre, ông T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà Đinh có tham gia hai dây hội do bà S làm chủ hội gồm: Dây hội 1.000.000VNĐ (một triệu đồng), mở hội ngày 15 tháng 11 âm lịch năm 2016 gồm 28 (hai mươi tám) phần, bà Đinh tham G hai phần, mỗi một phần hội thì bà Đ đã góp hội được 13 (mười ba) lần. Dây hội 2.000.000VNĐ (hai triệu đồng), mở hội ngày 20 tháng 01 âm lịch năm 2017 gồm 27 (hai mươi bảy) phần, bà Đinh tham G hai phần, mỗi một phần hội thì bà Đ đã góp hội được 13 (mười ba lần); tổng số tiền hội của hai dây hội là 77.000.000VNĐ (bảy mươi bảy triệu đồng) nhưng bà S có trả được 10.000.000VNĐ (mười triệu đồng) còn nợ lại 67.000.000VNĐ (sáu mươi bảy triệu đồng).

Ngoài ra, vào ngày 25/6/2016, bà S có vay của bà Đinh số tiền là 40.000.000VNĐ (bốn mươi triệu đồng), hai bên không có thỏa thuận lãi suất, không thỏa thuận thời hạn vay.

Bà S chơi hội, vay tiền nêu trên là để phục vụ cho sinh hoạt chung trong gia đình nên bà Đ yêu cầu bà S và ông T (chồng bà S) cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đinh số tiền hội còn nợ là 67.000.000VNĐ (sáu mươi bảy triệu đồng) và 40.000.000VNĐ (bốn mươi triệu đồng) tiền vay, không yêu cầu trả tiền lãi; tổng cộng bà Đ yêu cầu bà S, ông T có nghĩa vụ liên đới trả tổng số tiền là 107.000.000VNĐ (một trăm lẻ bảy triệu đồng).

Tại bản tự khai và trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm bị đơn là bà Huỳnh Thị Kim S trình bày: Bà thừa nhận có nợ của bà Đinh tổng S1 tiền là 107.000.000VNĐ (một trăm lẻ bảy triệu đồng) bao gồm 67.000.000VNĐ (sáu mươi bảy triệu đồng) tiền hội và 40.000.000VNĐ (bốn mươi triệu đồng) tiền vay như bà Đ trình bày. Số tiền hội, tiền vay nêu trên bà sử dụng vào chi tiêu sinh hoạt gia đình. Bà và ông T chấp nhận trả 107.000.000VNĐ (một trăm lẻ bảy triệu đồng) cho bà Đ nhưng do hoàn cảnh gia đình hiện nay gặp khó khăn, bà còn thiếu tiền hội của người khác nên bà yêu cầu được trả dần hàng tháng với mức là 1.000.000VNĐ/tháng (một triệu đồng trên một tháng).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trịnh Trung T vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về các nội dung có liên quan đến vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên lời trình bày, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn giữ nguyên lời

trình bày, quan điểm như đã nêu ở phần trên. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Nguyên đơn có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự về việc góp hụi, tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản đối với bị đơn có địa chỉ tại ấp G, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là ấp G, xã N, tỉnh Vĩnh Long) nên Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long) thụ lý, giải quyết vụ án theo quy định tại các điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số: 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Nghị quyết số: 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[2] Ông T vắng mặt tại các phiên hòa giải ngày 08/7/2025, ngày 18/7/2025, đồng thời ông V (người đại diện theo ủy quyền của bà Đ) có đơn đề nghị không hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Ông T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Bà S thừa nhận còn nợ bà Đ tổng số tiền là 107.000.000VNĐ (một trăm lẻ bảy triệu đồng) bao gồm 67.000.000VNĐ (sáu mươi bảy triệu đồng) tiền hụi và 40.000.000VNĐ (bốn mươi triệu đồng) tiền vay. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên có căn cứ xác định bà S còn nợ bà Đ 67.000.000VNĐ (sáu mươi bảy triệu đồng) tiền hụi và 40.000.000VNĐ (bốn mươi triệu đồng) tiền vay.

[3.2] Về nghĩa vụ trả nợ:

Bà Đ cho rằng bà S chơi hụi, vay tiền nêu trên là để phục vụ cho sinh hoạt chung trong gia đình nên bà Đ yêu cầu bà S và ông T (chồng bà S) cùng có nghĩa vụ liên đới trả số tiền hụi, tiền vay còn nợ của bà Đ. Bà S thừa nhận sử dụng số tiền hụi, tiền vay vào chi tiêu sinh hoạt gia đình nên bà và ông T chấp nhận trả 107.000.000VNĐ (một trăm lẻ bảy triệu đồng) cho bà Đ. Ông T vắng mặt, không gửi văn bản trình bày ý kiến hay phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đ, cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh ông không có liên quan đến việc chơi hụi, vay tiền của bà S theo thông báo giao nộp chứng cứ của Tòa án; trong khi đó khoản nợ nêu trên là khoản nợ trong thời kỳ hôn nhân của bà S, ông T, tại biên bản hòa giải ngày 18/7/2025 và tại phiên tòa sơ thẩm, bà S trình bày giữa bà và ông T là không có thỏa thuận gì về chế độ tài sản của vợ chồng

trong thời kỳ hôn nhân; từ đó cho thấy khoản nợ nêu trên là khoản nợ chung của bà S và ông T nên bà S và ông T cùng có nghĩa vụ liên đới trả khoản nợ cho bà Đ.

Bà S yêu cầu được trả nợ theo phương thức là trả hàng tháng với mức là 1.000.000đồng/tháng nhưng bà Đ không đồng ý, trong khi đó khoản nợ nêu trên đã đến hạn trả và bà S, ông T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào cho thấy giữa hai bên có thỏa thuận là bà S, ông T được trả nợ dần hàng tháng với mức 1.000.000đồng/tháng hay được trả nhiều lần nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu này của bà S.

[3.3] Về tiền lãi: Bà Đinh không yêu cầu bà S, ông T phải trả tiền lãi nên ghi nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của bà Đ được chấp nhận nên bà S, ông T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5% của số tiền phải trả cho bà Đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 288, 357, 466, 468, 469, 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các điều 5, 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên:

1/ Buộc bà Huỳnh Thị Kim S và ông Trịnh Trung T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị Đinh S2 tiền hụi còn nợ là 67.000.000VNĐ (sáu mươi bảy triệu đồng) và số tiền vay còn nợ là 40.000.000VNĐ (bốn mươi triệu đồng). Tổng cộng bà Huỳnh Thị Kim S và ông Trịnh Trung T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị Đinh S2 tiền hụi, tiền vay còn nợ là 107.000.000VNĐ (một trăm lẻ bảy triệu đồng), ghi nhận bà Đinh K yêu cầu trả tiền lãi

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1) Bà Lê Thị Đinh L người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm nên bà Đ đã được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

2.2) Buộc bà Huỳnh Thị Kim S và ông Trịnh Trung T có nghĩa vụ liên đới nộp 5.350.000VNĐ (năm triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3/ Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4/ Về quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án; riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

5/ Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 6 - Vĩnh Long;
- T.H.A.D.S tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng GD, KT, TT và T.H.A-TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp, Bp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Văn Nguyên